

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2007

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**  
**lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm**

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2006/NĐ-CP ngày 18/5/2006 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;*

*Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ nêu tại Công văn số 7643/VPCP-V.III ngày 29/12/2006 của Văn phòng Chính phủ;*

*Liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm như sau:*

**I. PHẠM VI ÁP DỤNG**

1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính và các giao dịch, tài sản khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là đăng ký giao dịch bảo đảm) tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm là đối tượng nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm là đối tượng nộp phí cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này.

3. Không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trong những trường hợp sau đây:

a) Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại địa phương và sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;

b) Yêu cầu sửa chữa sai sót trong giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;

c) Yêu cầu xoá đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính.

4. Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm được thu lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

b) Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực;

c) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường của Ủy ban nhân dân huyện,

quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với những nơi không thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được Phòng Tài nguyên và Môi trường uỷ quyền thực hiện.

## II. MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

### 1. Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm

a) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 mục I được quy định như sau (mỗi hồ sơ yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm được tính là một trường hợp đăng ký):

TT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP LỆ PHÍ	MỨC THU (đồng/trường hợp)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000
3	Đăng ký gia hạn giao dịch bảo đảm	40.000
4	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	40.000
5	Yêu cầu sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm	10.000

b) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm c khoản 4 mục I do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể cho phù hợp với thực tế của địa phương, nhưng mức thu tối đa không vượt quá mức thu quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trong một số trường hợp khác được thực hiện như sau:

- Đối với tổ chức, cá nhân đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng Việt Nam thì áp dụng mức thu quy định tại Quyết định số 69/2006/QĐ-BTC ngày 07/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm qua phương tiện điện tử sẽ được quy định tại văn bản khác.

### 2. Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

a) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp được quy định như sau (mỗi lần cung cấp thông tin theo tên của bên bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm được tính là một trường hợp):

TT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP PHÍ	MỨC THU (đồng/trường hợp)
1	Cung cấp thông tin cơ bản (Danh mục giao dịch bảo đảm, tài sản cho thuê tài chính; sao đơn yêu cầu đăng ký)	10.000
2	Cung cấp thông tin chi tiết (Văn bản tổng hợp thông tin về các giao dịch bảo đảm)	30.000

b) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng tại cơ quan đăng ký tàu biển khu vực là 30.000 đồng/trường hợp.

c) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm c khoản 4 mục I do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể cho phù hợp với thực tế của địa phương, nhưng mức thu tối đa không vượt quá mức thu quy định tại điểm b khoản này.

### **III. CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM**

1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo phải nộp lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo mức thu quy định tại Thông tư này khi nộp đơn yêu cầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác về thời điểm nộp lệ phí, phí.

Khi thu phí, lệ phí, cơ quan thu phí, lệ phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm quy định tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí, lệ phí được quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được theo quy định như sau:

a) Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 mục I được trích 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí, lệ phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí, lệ phí theo chế độ quy định. Cơ quan thu phí, lệ phí có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán số tiền phí, lệ phí còn lại (50%) vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Đối với cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm c khoản 4 mục I: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tỷ lệ phần trăm trích lại cho cơ quan thu phí, lệ phí để trang trải chi phí cho việc thu phí cho phù hợp với thực tế của địa phương.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 33/2002/TTLT-BTC-BTP ngày 12/4/2002 của liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tài sản cho thuê tài chính.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 63/2002/TT-BTC.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**  
**THỨ TRƯỞNG**  
(đã ký)  
**Đình Trung Tụng**

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**  
**THỨ TRƯỞNG**  
(đã ký)  
**Trương Chí Trung**

#### ***Nơi nhận:***

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;
- Lưu: Bộ Tư pháp (VT, Cục ĐKQGDBĐ), Bộ Tài chính {VT, Vụ CST (CST3)}.